

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG HẢI DƯƠNG**



GIÁO TRÌNH
PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC
TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI Ở TIỂU HỌC (1)

NGÀNH ĐÀO ĐẠO: SƯ PHẠM GIÁO DỤC TIỂU HỌC
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

Hải Dương, năm 2021

CHƯƠNG I
MỤC TIÊU, NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH, CẤU TRÚC SGK, SGV
MÔN TNXH, KHOA HỌC, LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ Ở TIỂU HỌC
(5 tiết)

A. MỤC TIÊU

- Kiến thức:

+ Sinh viên nắm được một số vấn đề cơ bản về mục tiêu, nội dung chương trình cấu trúc SGK, SGV môn TNXH, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở tiểu học.

+ Quan điểm xây dựng chương trình.

- Kỹ năng:

+ Hình thành kỹ năng hiểu sâu, xử lí và áp dụng các vấn đề cơ bản về mục tiêu, nội dung chương trình cấu trúc SGK, SGV môn Tự nhiên Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở tiểu học trong quá trình dạy học và nghiên cứu.

+ Hiểu và vận dụng thành thạo các vấn đề thuộc về PPDH TN-XH trong quá trình dạy học ở Tiểu học.

- Thái độ:

+ Ham học hỏi để hiểu biết những vấn đề cơ bản về mục tiêu, nội dung chương trình cấu trúc SGK, SGV môn TNXH, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở tiểu học.

+ Yêu thích môn học, có ý thức nghiên cứu để thực hiện tốt các yêu cầu về nội dung kiến thức và phương pháp giảng dạy.

B. PHƯƠNG TIỆN DẠY VÀ HỌC

- Giáo trình *Tự nhiên-xã hội và phương pháp dạy học TNXH ở Tiểu học*, sách xuất bản trong khuôn khổ dự án phát triển GVTH, NXB GD 2006.

- *PP dạy học tìm hiểu tự nhiên-xã hội*, NXB HN 1993.

- *Bộ SGK, SGV TN-XH... Tiểu học*, NXB GD.

C. PHƯƠNG PHÁP

- Phương pháp nêu vấn đề.

- Phương pháp thuyết trình.

- Phương pháp trực quan.
- Phương pháp thảo luận nhóm.

D. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC CHỦ YẾU

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. Học phần "Phương pháp dạy học TNXH" nhằm trang bị cho SV những hiểu biết về lịch sử phát triển môn học, về chương trình và sách giáo khoa, về các phương pháp dạy học, về các phương tiện dạy học và về kiểm tra, đánh giá của các môn Tự nhiên & Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở Tiểu học.

2. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản để có khả năng soạn bài, lên lớp các môn học trên theo tinh thần đổi mới của chương trình nhằm nâng cao hiệu quả dạy học các môn học, nâng cao năng lực tự học và nghiên cứu khoa học.

3. Tăng thêm lòng yêu thích môn học, có ý thức đóng góp về lí luận và thực tiễn nhằm hoàn thiện và phát triển các môn học trên.

II. CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA HỌC PHẦN PP DẠY HỌC TN & XH

Học phần PP dạy học TN & XH được hình thành trên cơ sở các khoa học về Giáo dục học, Tâm lí học, Khoa học cơ bản.

Chương trình các môn học TN XH, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở Tiểu học được xây dựng theo quan điểm tích hợp các kiến thức được hình thành từ các kiến thức về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội của các môn học: Sinh học, Vật lí, Hoá học, Lịch sử, Môi trường và Dân số...

Mọi tình huống sư phạm của các môn học đều phải được xem xét và giải quyết dựa trên ba cơ sở khoa học của học phần.

Môn Tự nhiên & Xã hội được chia làm 2 giai đoạn:

Giai đoạn 1 (Lớp 1 đến lớp 3): Môn Tự nhiên và Xã hội

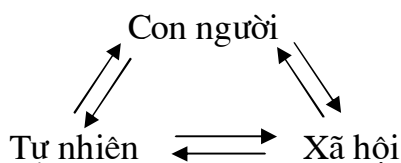
Giai đoạn 2 (Lớp 4, lớp 5): Có 3 phân môn

}	Khoa học
	Lịch sử
	Địa lí

III. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Quan điểm hệ thống

Quan triệť tư tưởng tích hợp, coi tự nhiên, con người và xã hội là một tổng thể thống nhất có mối quan hệ qua lại, trong đó con người với những hoạt động của mình vừa là cầu nối giữa tự nhiên và xã hội, vừa tác động mạnh mẽ đến cả TN & XH



2. Quan điểm vừa sức

Chương trình được phát triển theo nguyên tắc từ gần đến xa, từ đơn giản đến phức tạp.

Lớp 1, 2, 3 chỉ hình thành các biểu tượng.

Lớp 4, 5 hình thành các khái niệm.

Từ lớp 1 đến lớp 5 kênh hình giảm, kênh chữ tăng.

3. Quan điểm về tính thiết thực

Nội dung được lựa chọn thiết thực, gần gũi và có ý nghĩa với học sinh, giúp các em dễ dàng thích ứng với cuộc sống thường ngày.

Giúp cho HS có những hiểu biết ban đầu về bản thân, gia đình, trường học, cảnh quan tự nhiên và hoạt động của con người ở địa phương □

4. Tăng cường tổ chức cho học sinh quan sát, thực hành

Để tìm tòi phát hiện ra kiến thức và biết cách thực hiện những hành vi có lợi cho sức khỏe cá nhân, gia đình và cộng đồng.

IV. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Mục tiêu chung:

Về kiến thức: Giúp HS lĩnh hội một số tri thức ban đầu và thiết thực về:

Một số sự vật hiện tượng tự nhiên tiêu biểu trong môi trường sống và mối quan hệ giữa chúng trong tự nhiên (giới vô sinh: đất, đá, nước...; giới hữu sinh: thực vật, động vật và con người) trong đời sống và trong sản xuất.

Một số sự kiện, hiện tượng xã hội tiêu biểu (gia đình, lịch sử, nhà trường, quê hương, đất nước, các nước trên thế giới) và mối quan hệ giữa chúng với môi trường sống hiện tại.

Về kĩ năng: Hình thành và phát triển những kĩ năng:

Quan sát, mô tả, thảo luận, thí nghiệm, thực hành

Phân tích, so sánh và đánh giá mối quan hệ của các sự vật, hiện tượng, sự kiện trong tự nhiên, con người và xã hội.

Vận dụng một số tri thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

Về thái độ: Khơi dậy và bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước, con người; hình thành thái độ quan tâm tới bản thân, GD, cộng đồng và môi trường sống.

1. Môn Tự nhiên & Xã hội (Lớp 1, 2, 3)

- Cung cấp cho học sinh một số kiến thức cơ bản, ban đầu và thiết thực về:

Con người và sức khoẻ (Cơ thể người, cách giữ vệ sinh cơ thể và phòng tránh bệnh tật tai nạn)

Một số sự vật hiện tượng đơn giản trong tự nhiên và xã hội xung quanh.

- Bước đầu hình thành và phát triển ở học sinh những kĩ năng:

Tự chăm sóc sức khoẻ bản thân; ứng xử và đưa ra quyết định hợp lí trong đời sống để phòng tránh một số bệnh tật và tai nạn.

Quan sát, nhận xét, nêu thắc mắc, đặt câu hỏi, diễn đạt những hiểu biết của mình (Bằng lời nói hoặc hình vẽ...) về các sự vật hiện tượng đơn giản trong tự nhiên và trong xã hội)

- Hình thành và phát triển ở học sinh những thái độ, hành vi:

Có ý thức thực hiện các quy tắc giữ vệ sinh, an toàn cho bản thân, gia đình và cộng đồng.

Yêu thiên nhiên, gia đình, trường học, quê hương.

2. Môn Khoa học (Lớp 4, 5)

- Cung cấp cho học sinh một số kiến thức cơ bản, ban đầu và thiết thực về:

Sự trao đổi chất, nhu cầu dinh dưỡng và sự sinh sản, sự lớn lên của cơ thể người. Cách phòng tránh một số bệnh thông thường và bệnh truyền nhiễm.

Sự trao đổi chất, sự sinh sản của động vật, thực vật.

Đặc điểm và ứng dụng của một số chất, một số vật liệu và dạng năng lượng thường gặp trong đời sống và trong sản xuất.

- Bước đầu hình thành và phát triển ở học sinh những kĩ năng:

Ứng xử thích hợp trong các tình huống có liên quan đến sức khỏe của bản thân, gia đình và cộng đồng.

Quan sát và làm một số thí nghiệm thực hành khoa học đơn giản, gần gũi với đời sống, sản xuất.

Nêu thắc mắc, đặt câu hỏi trong quá trình học tập, biết tìm thông tin để giải đáp. Biết diễn đạt những hiểu biết bằng lời nói, bài viết, hình vẽ, sơ đồ...

Phân tích, so sánh, rút ra những dấu hiệu chung và riêng của một số sự vật, hiện tượng đơn giản trong tự nhiên.

- Hình thành và phát triển ở học sinh những thái độ, thói quen:

Tự giác thực hiện các quy tắc vệ sinh an toàn cho bản thân, gia đình và cộng đồng.

Ham hiểu biết khoa học, có ý thức vận dụng những kiến thức đã học vào đời sống.

Yêu con người, thiên nhiên, đất nước, yêu cái đẹp. Có ý thức và hành động bảo vệ môi trường xung quanh.

3. Môn Lịch sử và Địa lí (Lớp 4, 5)

- Cung cấp cho học sinh một số kiến thức cơ bản, thiết thực về:

Các sự vật, sự kiện, hiện tượng lịch sử và địa lí, các mối quan hệ thuộc phạm vi: Địa phương, đất nước Việt Nam, một số nước trên thế giới.

- Bước đầu hình thành và rèn luyện cho học sinh các kĩ năng:

Quan sát sự vật hiện tượng; thu thập, tìm kiếm tư liệu lịch sử, địa lí từ các nguồn khác nhau.

Nêu thắc mắc, đặt câu hỏi trong quá trình học tập và chọn thông tin để giải đáp.

Phân tích, so sánh, đánh giá các sự vật, sự kiện, hiện tượng lịch sử và địa lí.

Trình bày lại kết quả học tập bằng lời nói, bài viết, hình vẽ, sơ đồ...

Vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn đời sống.

- Góp phần bồi dưỡng, phát triển ở học sinh những thái độ, thói quen:

Ham học hỏi, ham hiểu biết thế giới xung quanh

Yêu thiên nhiên, con người, quê hương, đất nước, yêu cái đẹp.

Có ý thức bảo vệ thiên nhiên và các di sản văn hoá.

V. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình môn TN - XH được sử dụng trong toàn quốc từ năm 1996 và hoàn chỉnh dần đến chương trình tiểu học năm 2000. Nội dung của chương trình được chia thành hai giai đoạn

Giai đoạn 1 (Từ lớp 1 đến lớp 3): chương trình được cấu trúc theo đường tròn đồng tâm, các chủ đề được mở rộng dần theo nguyên tắc từ gần đến xa, từ đơn giản đến phức tạp.

Mỗi lớp đều có 3 chủ đề: Con người và sức khoẻ, Xã hội & Tự nhiên.

Giai đoạn 2 (Lớp 4, lớp 5)

Môn Khoa học lớp 4 có 3 chủ đề

{ Con người và sức khoẻ.
Vật chất và năng lượng.
Thực vật, động vật, rừng.

Môn Khoa học lớp 5 có 4 chủ đề

{ Con người và sức khoẻ.
Vật chất và năng lượng.
Thực vật, động vật, rừng.
Môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

Môn Lịch sử

Từ lớp 4 đến lớp 5, nội dung môn Lịch sử được giới thiệu trình tự theo dòng thời gian:

Lớp 4

Buổi đầu dựng nước và giữ nước (Cách đây hơn 2000 năm đến năm 179 TCN)...

Hơn 1000 năm đấu tranh giành độc lập (Từ 179 TCN đến 938 SCN).

Buổi đầu độc lập (Thế kỉ X).

Nước Đại Việt thời Lí (Thế kỉ XI đến XII).

Nước Đại Việt thời Trần (Thế kỉ XIII đến đầu thế kỉ XV).

Nước Đại Việt thời Lê (Thế kỉ XV đến đầu thế kỉ XVI).

Thời Trịnh - Nguyễn phân tranh (Thế kỉ XVI — XVIII).

Thời Tây Sơn (Thế kỉ XVIII - đầu thế kỉ X).

Thời Nguyễn (Nửa đầu thế kỉ XIX), nhà Nguyễn thành lập - kinh thành Huế.

Lớp 5

Tám mươi năm chống thực dân Pháp xâm lược và đô hộ (1858 - 1945).

Chín năm kháng chiến bảo vệ độc lập dân tộc (1946 - 1954).

Xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất đất nước (1954 - 1975).

Công cuộc xây dựng CNXH (1975 đến nay).

Môn Địa lí

Lớp 4

Bản đồ và cách sử dụng. Bản đồ hình thể Việt Nam

Thiên nhiên và hoạt động của con người ở miền núi và trung du (Dãy núi Hoàng Liên Sơn, Tây nguyên, Trung du bắc bộ)

Thiên nhiên và hoạt động của con người ở miền đồng bằng (Đồng bằng Bắc Bộ, đồng bằng Nam Bộ)

Thiên nhiên và hoạt động của con người ở miền duyên hải (DH miền Trung).

Biển Đông, các đảo, quần đảo.

Lớp 5

Địa lí Việt Nam (Tự nhiên, cư dân, kinh tế).

Địa lí thế giới (Bản đồ, vị trí, ĐĐ các châu lục, đại dương, tên quốc gia, thủ đô...).

VI. CẤU TRÚC SGK, SGV

1. Sách giáo khoa

Kích thước 17 × 24 (cm)

Cách trình bày chung:

Kênh chữ:

Gồm một hệ thống câu hỏi và những "lệnh" yêu cầu học sinh làm việc, thực hiện các hoạt động, học tập để tự chiếm lĩnh tri thức, các lớp 2 và 3 kênh chữ được tăng cường làm nhiệm vụ cung cấp thông tin. Đặc biệt ngôn ngữ giao tiếp trong SGK cũng hoàn toàn đổi mới. Cuốn sách được coi là người bạn của học sinh, vì vậy, cách xưng hô với người học là "bạn".

Kênh hình:

Được tăng lên một cách đáng kể so với bộ SGK cũ. Chức năng của kênh hình không đơn thuần làm nhiệm vụ minh họa cho kênh chữ mà nó còn làm nhiệm vụ cung cấp thông tin hoặc làm nhiệm vụ chỉ dẫn hoạt động học tập cho học sinh và cách tổ chức dạy học cho GV.

Cách trình bày một chủ đề:

Có một trang riêng để giới thiệu chủ đề bằng hình ảnh thể hiện nội dung cốt lõi của chủ đề. Mỗi chủ đề được trình bày bằng màu sắc và kí hiệu riêng để phân biệt với các chủ đề khác. Đây là điểm hoàn toàn mới so với bộ SGK cũ.

Cách trình bày một bài:

Sách giáo khoa cũ không quy định số trang cho mỗi bài học, tùy theo độ dài ngắn mà mỗi bài học có số trang khác nhau, cấu trúc một bài học thường gồm 3 phần (*Phần cung cấp thông tin có thể bằng kênh chữ hoặc kênh hình. Phần kiến thức cần ghi nhớ được đặt trong khung. Phần câu hỏi ở vị trí cuối cùng để kết thúc bài học, đồng thời nhằm giúp củng cố và kiểm tra những gì đã học được*).

Trong SGK mới, mỗi bài học được trình bày gọn trong 2 trang mở liền nhau, giúp học sinh dễ dàng theo dõi và có cái nhìn hệ thống toàn bộ bài học. Tiến trình mỗi bài học được sắp xếp theo một lô gic hợp lí, thể hiện:

+ Bài học có thể bắt đầu bằng việc yêu cầu HS làm thực hành hoặc liên hệ thực tế rồi mới đến quan sát các hình ảnh trong SGK để phát hiện những kiến thức mới.

+ Có thể bắt đầu bằng việc học sinh quan sát tranh ảnh trong SGK hay quan sát ngoài thiên nhiên, học ngoài hiện trường để tìm ra những kiến thức mới rồi tới những câu hỏi nhằm áp dụng những điều đã học được vào thực tế cuộc sống.

+ Kết thúc bài, học sinh được củng cố lại những điều đã học bằng nhiều hình thức khác nhau như trò chơi, vẽ hình...mà không đơn thuần chỉ là trả lời câu hỏi. Ngoài ra, ở phần kết thúc của một số bài còn yêu cầu học sinh sưu tầm các tranh ảnh, mẫu vật để làm phong phú thêm những kiến thức đã được học trên lớp.

2. Sách giáo viên

SGV môn TNXH gồm 2 phần:

Phần I. Hướng dẫn chung và phần II. Hướng dẫn cụ thể.

Phần I:

Có 2 nội dung chính

+ Giới thiệu mục tiêu, nội dung, PP dạy học môn TNXH từng lớp, cách đánh giá học sinh trong quá trình học tập môn học.

+ Giới thiệu SGV môn TNXH từng lớp.

Phần II:

Đi sâu vào hướng dẫn từng bài, nhằm giúp GV xác định rõ mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, thái độ HS cần đạt được sau mỗi bài học. Qua đó GV có thể áp dụng sáng tạo các PP dạy học phù hợp để soạn ra những kế hoạch bài học riêng của mình cho phù hợp với trình độ nhận thức của học sinh và thực tế của địa phương.

Những điểm mới trong kế hoạch dạy từng bài

Phần mục tiêu:

Viết cho người học và thường bắt đầu bằng những động từ chỉ những hành động cụ thể, thực tiễn phù hợp với các hoạt động học tập của học sinh. Qua đó, GV có thể đánh giá được kết quả học tập của học sinh về 3 mặt: Kiến thức, kỹ năng và thái độ.

Phần đồ dùng dạy học:

Đã có sự chuyển hướng rõ rệt từ đồ dùng dạy học của GV sang đồ dùng học tập của HS, hầu hết các bài đều khuyến khích sử dụng kênh hình trong SGK và chú trọng đến những đồ dùng học tập khác cho các nhân hoặc cho các nhóm học sinh.

Phần hoạt động dạy - học:

Được trình bày cụ thể, rõ ràng. Mỗi bài thường có 2 đến 3 hoạt động, không kể các hoạt động giới thiệu và củng cố bài học. Mỗi hoạt động lại nêu rõ mục tiêu của hoạt động, cách tiến hành hoạt động theo từng bước.

Với cách viết như trên, khi sử dụng phần hướng dẫn cụ thể từng bài, GV không chỉ nắm vững được mục tiêu chung của cả bài mà còn thấy rõ được mỗi hoạt động học tập của học sinh nhằm đạt được mục tiêu cụ thể nào. Từ đó GV có thể lựa chọn cách tiến hành khác (phù hợp với hoàn cảnh địa phương và trình độ HS) nhưng vẫn đảm bảo mục tiêu đề ra cho mỗi hoạt động.

3. Sách giáo khoa và SGK các môn Khoa học, Lịch sử và Địa lí

Hướng dẫn SV tìm hiểu qua thảo luận nhóm.

CHƯƠNG II
MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN TNXH, KHOA HỌC,
LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ Ở TIỂU HỌC
(25 tiết)

A. MỤC TIÊU

Kiến thức:

Am hiểu về mục tiêu và nội dung chương trình, cấu trúc SGK, SGV môn TNXH, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở Tiểu học.

Nắm được chuẩn chương trình TNXH Tiểu học, nắm được các phương pháp dạy học TNXH đặc trưng, cơ bản thường dùng ở nhà trường Tiểu học hiện nay, biết cách lập kế hoạch dạy học và tổ chức giờ học, nắm được các phương pháp đánh giá cơ bản trong dạy học TNXH, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở Tiểu học.

Kĩ năng:

Có các kĩ năng trong việc lựa chọn, sử dụng các phương pháp dạy học nhằm phát triển năng lực HS trong môn TNXH, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở Tiểu học.

Lập kế hoạch bài học môn TNXH, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở Tiểu học theo hướng tích cực.

Sử dụng thiết bị có hiệu quả và tự làm một số đồ dùng dạy học đơn giản phục vụ môn học.

Nắm được các kĩ thuật cơ bản để tổ chức giờ học TNXH và đánh giá kết quả học tập môn TNXH, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở Tiểu học theo định hướng mới, có các kĩ năng giao tiếp với các đối tượng khác như đồng nghiệp, phụ huynh học sinh và các đối tượng trong môi trường giáo dục.

Thái độ:

Có ý thức cập nhật phương pháp dạy học mới và thường xuyên rèn luyện năng lực sư phạm.

B. PHƯƠNG TIÊN DẠY VÀ HỌC

- Giáo trình *Tự nhiên-xã hội và phương pháp dạy học TNXH ở Tiểu học*, sách xuất bản trong khuôn khổ dự án phát triển GVTH, NXB GD 2006.

- *PP dạy học tìm hiểu tự nhiên-xã hội*, NXB HN 1993.

- *Bộ SGK, SGV TN-XH... Tiểu học*, NXB GD.

C. PHƯƠNG PHÁP

- Phương pháp nêu vấn đề.
- Phương pháp thuyết trình.
- Phương pháp trực quan.
- Phương pháp thảo luận nhóm.

D. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC CHỦ YẾU.

A. KHÁI QUÁT VỀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

I. TẦM QUAN TRỌNG CỦA PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1. Giảng dạy

Đây là hoạt động của GV tổ chức 1 giờ dạy hoặc tổ chức một hoạt động nhận thức trong lớp học thực hiện theo mục tiêu mà giáo viên và chương trình đặt ra.

2. Học tập

Là quá trình nhận biết về thế giới tự nhiên và xã hội thông qua các kiến thức mà người GV tổ chức trong giờ học. Rèn luyện cho học sinh kỹ năng tư duy (Biết quan sát, phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát hoá, trừu tượng hoá...); kỹ năng thực hành (biết sử dụng một số thiết bị trong thí nghiệm, biết sử dụng các mẫu vật...)

3. Hình thành thái độ nhân cách cho học sinh

Giáo dục lòng yêu quê hương đất nước, yêu thiên nhiên, yêu cái đẹp, có ý thức bảo vệ môi trường sống và xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh.

Chỉ ra cho các em phương pháp học tập bằng yêu cầu của người GV

+ Đọc bài trước khi đến lớp

+ Dặn dò.

II. CÁC KIỂU DẠY HỌC

1. Lấy GV làm trung tâm

Được hình thành từ thời xa xưa, khi có nhu cầu dạy và nhu cầu học, phát triển trong thế kỉ XIX và vẫn còn tồn tại cho đến nay.

Người GV sử dụng phương pháp giảng giải để thông báo tri thức đến HS, còn học sinh chỉ nghe, ghi chép để tiếp nhận, không cần đưa ra ý kiến của mình.

Lời giảng giải của GV là chuẩn mực.

Ưu điểm: Lớp học nề nếp

Nhược điểm: Học sinh thụ động, không được tư duy, không được suy nghĩ.

2. Lấy HS làm trung tâm

Tập trung mọi hoạt động trong giờ học vào học sinh

Giáo viên sử dụng phối hợp các phương pháp khác nhau để phát huy tính tích cực tự giác của học sinh trong học tập: nêu vấn đề, hỏi đáp, thảo luận nhóm, phiếu học tập...

Học sinh phải cuốn theo hoạt động mà giáo viên tổ chức, chủ động tiếp thu kiến thức và nảy sinh những nhu cầu hứng thú về tìm hiểu thế giới xung quanh, chủ động nắm lấy kiến thức, các kết luận khoa học.

Ưu điểm:

Học sinh hăng hái tham gia vào các hoạt động nhận thức, lớp học sôi nổi.

Nhược điểm:

Phải có điều kiện mới thực hiện được giờ dạy...Phụ thuộc vào năng lực của giáo viên (để giải quyết tình huống SP).

Giáo viên phải rất nhiệt tình.

Phải có khả năng tư duy và vốn sống của học sinh.

Tổ chức giờ học rất mất thời gian.

Người giáo viên cần linh hoạt phối hợp cả 2 kiểu dạy này khi thực hiện nhiệm vụ giảng dạy. Trong quá trình thực hiện, có thể yêu cầu HS đọc trước các tài liệu ở nhà, chuẩn bị chu đáo các đồ dùng học tập, nên dành thời gian cho học sinh suy nghĩ và đưa ra những câu hỏi, thắc mắc...

3. Một số lưu ý về PP dạy học môn TNXH

Biết phối hợp một cách linh hoạt và khéo léo các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học để phát huy được tính tích cực, tự giác của các em (với HS tiểu học thường có tính tự giác cao)

Đặc biệt chú ý tới các phương pháp mới: (PP mới nhất được sử dụng gần đây): Hoạt động nhóm, tấn công não, nêu và giải quyết vấn đề, sắm vai, chơi trò chơi...

Con đường nhận thức của HS tiểu học:

Cảm tính → lí tính ; Từ trực quan cụ thể → tư duy trừu tượng → hình thành khái niệm...

Cảm giác → tri giác → biểu tượng → khái niệm.

Cần tạo điều kiện cho HS huy động tối đa các giác quan làm việc, giúp các em nhận thức về thế giới, bộ môn quan tâm: Con người, tự nhiên, xã hội.

Rèn cho các em kĩ năng tìm hiểu về MTXQ theo nội dung bài học.

Tạo điều kiện cho các em biết vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế.

B. MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

Các phương pháp truyền thống

Quan sát, hỏi đáp, thí nghiệm chứng minh, kể chuyện□

Các phương pháp hiện đại (Phát huy tính tích cực của HS)

Nêu và giải quyết vấn đề, chia nhóm và hoạt động nhóm, công não (tấn công não), chơi trò chơi, sắm vai□

I. PHƯƠNG PHÁP QUAN SÁT

1. Khái niệm

Phương pháp quan sát là phương pháp mà giáo viên tổ chức cho học sinh được sử dụng các giác quan để tri giác trực tiếp, có mục đích các đối tượng trong tự nhiên xã hội, tiếp xúc với các phương tiện dạy học (mẫu vật thật, tranh vẽ, mô hình...) nhằm tiếp nhận thông tin mà không có sự can thiệp vào quá trình diễn biến của các sự vật hiện tượng đó và rút ra các kết luận khoa học.

2. Tác dụng của PP quan sát

Nhờ có quan sát và xem xét trực tiếp mà các em nhận biết được hình dạng, đặc điểm bên ngoài, tính chất, mối quan hệ, diễn biến của các sự vật hiện tượng đang diễn ra trong môi trường tự nhiên, trong cuộc sống hàng ngày, từ đó hình thành các biểu tượng, khái niệm, cũng từ đó làm cho giác quan của các em nhạy cảm hơn, tư duy phát triển, ngôn ngữ phong phú...

3. Cách tiến hành

Bước 1: Xác định mục đích quan sát

Trong một bài học, không phải mọi kiến thức học sinh cần lĩnh hội đều được rút ra từ quan sát. Vì vậy, giáo viên cần xác định rõ việc tổ chức cho học sinh quan sát nhằm đạt được mục tiêu kiến thức hay kỹ năng nào.

Ví dụ

Về tự nhiên

Tìm hiểu những điểm cơ bản, những dấu hiệu đặc trưng, bản chất của SVHT.

Tìm ra quy luật của sự biến đổi hoặc là hoạt động của chúng.

Tìm ra mối quan hệ tương hỗ giữa các sự vật hiện tượng.

Về xã hội

Hình thành ý niệm về các tổ chức, quy tắc, luật lệ của xã hội, hình thành biểu tượng, khái niệm đúng đắn về mối quan hệ giữa con người với con người, con người với thiên nhiên, từ đó rút ra bài học về cách ứng xử cho phù hợp với cuộc sống.

Bước 2: Lựa chọn đối tượng quan sát

Tuỳ theo nội dung học tập, giáo viên sẽ chọn đối tượng quan sát phù hợp với trình độ học sinh và điều kiện địa phương, đối tượng quan sát có thể là các sự vật hiện tượng, các mối quan hệ đang diễn ra trong môi trường tự nhiên hay xã hội hoặc các tranh ảnh, mô hình, sơ đồ, thí nghiệm diễn tả các sự vật hiện tượng đó. Khi lựa chọn đối tượng quan sát, giáo viên cần ưu tiên lựa chọn các vật thật. Chỉ khi không có điều kiện tiếp xúc với vật thật, thì giáo viên cho học sinh quan sát qua tranh ảnh, mô hình. Quan sát các vật thật, học sinh sẽ hình thành được những biểu tượng sinh

động; còn tranh ảnh, sơ đồ chỉ thể hiện được sự vật hiện tượng ở trạng thái tĩnh với tính khái quát cao.

Ví dụ về các nhóm đối tượng được quan sát:

- { Mẫu vật thật: Thực vật, động vật, đồ dùng trong gia đình...
- { Hiện tượng tự nhiên xã hội
- Tranh ảnh
- { Mô hình
- { Bản đồ
- { Sơ đồ
- { Phim giáo khoa
- Thí nghiệm

Các đối tượng quan sát phải phù hợp với bài học, nhà trường và địa phương...

Bước 3: Tổ chức và hướng dẫn học sinh quan sát

- Có thể tổ chức cho học sinh quan sát cá nhân, quan sát theo nhóm hoặc cả lớp, điều đó phụ thuộc vào số đồ dùng đã chuẩn bị được, khả năng quản lí của giáo viên và kĩ năng tự quản, làm việc hợp tác nhóm của học sinh hoặc theo yêu cầu của nội dung học tập.

Ví dụ

Cả lớp quan sát: Quan sát chung một sự vật hiện tượng nào đó.

- Theo nhóm: { Các nhóm cùng quan sát một SVHT.
- Theo tổ { Quan sát các SVHT khác nhau.

- Tùy theo mục đích và đối tượng được sử dụng cho học sinh quan sát, giáo viên cần chỉ dẫn cho học sinh sử dụng nhiều giác quan để phán đoán, cảm nhận sự vật hiện tượng (mắt nhìn, tai nghe, tay sờ, mũi ngửi□)

- Sử dụng những câu hỏi nhằm hướng dẫn học sinh:

Quan sát toàn thể rồi mới đi đến bộ phận, chi tiết.

Quan sát từ bên ngoài rồi mới đi vào bên trong.

So sánh với các đối tượng cùng loại (mà các em đã biết) để tìm ra những đặc điểm giống nhau và khác nhau.

Bước 4: Tổ chức cho học sinh báo cáo kết quả quan sát về đối tượng

Học sinh tự trình bày bằng lời hoặc phiếu học tập hay phương tiện dạy học. GV tổ chức cho học sinh hoàn thiện các kiến thức, kĩ năng và bổ sung những kiến thức cần thiết.

4. Một số điểm cần lưu ý

Ở cấp Tiểu học, mục tiêu quan sát phải đơn giản, phù hợp với trình độ nhận thức của học sinh.

Đối tượng quan sát của học sinh là tranh ảnh, sơ đồ, mẫu vật, mô hình□; là khung cảnh gia đình, lớp học, cuộc sống ở địa phương; là cây cối, con vật và một số sự vật hiện tượng diễn ra hàng ngày trong tự nhiên xã hội.

Giáo viên có thể tổ chức cho học sinh quan sát ở trong lớp hay ngoài lớp (sân trường, vườn trường, các địa điểm xung quanh trường□)

Có hệ thống câu hỏi phù hợp với từng nội dung và đối tượng quan sát, đặt hệ thống câu hỏi trước khi quan sát, trong khi quan sát, sau khi quan sát.

Xác định rõ mục đích quan sát.

Hướng dẫn các hoạt động huy động trí nhớ để tái hiện lại kiến thức.

Củng cố, chốt lại các vấn đề sau khi học sinh quan sát được.

Thường xuyên theo dõi, kiểm tra để đảm bảo quan sát liên tục, đúng hướng, cung cấp những kĩ năng quan sát, yêu cầu quan sát phức tạp dần lên phù hợp với trình độ lứa tuổi.

Từ lớp 3 đến lớp 5: Cho các em ghi chép lại kết quả quan sát, cho các em quan sát ở nhà, ở lớp, thời gian quan sát dài hơn, có thể học sinh phải ghi kết luận, tường trình về kết quả quan sát.

II. PHƯƠNG PHÁP HỎI ĐÁP

1. Khái niệm

Hỏi đáp là một phương pháp dạy học trong đó có sự đối thoại giữa giáo viên và học sinh dựa trên một hệ thống câu hỏi có tác dụng khơi gợi, dẫn dắt học sinh đi đến

những kết luận khoa học, hoặc vận dụng những hiểu biết của mình để giải các bài tập, tìm hiểu các vấn đề của tự nhiên - xã hội trong cuộc sống.

Công cụ của phương pháp hỏi đáp là hệ thống câu hỏi.

Mục đích: Giải quyết các bài tập, các vấn đề của TNXH

Thông qua các hoạt động tư duy như cảm giác, tri giác, biểu tượng □ Khi giải quyết các câu hỏi đặt ra tức là HS đã tự mình tìm ra kiến thức mới, điều đó sẽ tạo ra không khí sôi nổi trong lớp, phát huy tính tích cực và tạo hứng thú học tập cho học sinh.

Có 3 dạng hỏi đáp

+ ***Hỏi đáp tái hiện:*** Giáo viên đưa ra những câu hỏi chỉ yêu cầu HS nhớ lại kiến thức đã biết và trả lời dựa vào trí nhớ, không cần suy luận. Đó là hình thức được dùng khi cần đặt mối liên hệ giữa kiến thức đã học với kiến thức sắp học hoặc khi cần củng cố kiến thức vừa mới học.

+ ***Hỏi đáp giải thích, minh họa:*** Nhằm sáng tỏ một đề tài nào đó, GV lần lượt nêu những câu hỏi kèm theo những ví dụ minh họa để HS dễ hiểu, dễ nhớ □

+ ***Hỏi đáp có tính chất tìm tòi khám phá:*** Dùng hệ thống câu hỏi được sắp xếp hợp lí để dẫn dắt HS từng bước phát hiện ra bản chất của sự vật, tính quy luật của hiện tượng đang tìm hiểu, kích thích sự ham muốn hiểu biết.

Trong quá trình dạy học, GV có thể sử dụng cả ba hình thức, tuy nhiên cần khuyến khích sử dụng hình thức có tính chất tìm tòi.

2. Tác dụng của phương pháp hỏi đáp

a. Tạo ra nhu cầu nhận thức

- Học sinh được tham gia giải quyết vấn đề do bài học đặt ra.
- GV đóng vai trò khơi gợi, dẫn dắt một cách khéo léo làm cho học sinh hứng thú say mê và chủ động lĩnh hội kiến thức thông qua câu hỏi và câu trả lời, lúc này HS đóng vai trò trung tâm với những đặc điểm tâm lí được phát huy: Mạnh dạn, hăng hái, sôi nổi.

b. Giúp các em làm quen với PP nghiên cứu khoa học

Bản chất của nghiên cứu khoa học là tìm tòi, khám phá, thể hiện và trả lời được 2 câu hỏi: Tại sao? Như thế nào □ với tất cả các SVHT.

Nếu trả lời được câu hỏi tức là các em đã nêu lên được nhận xét của mình thông qua việc tranh luận với bạn, hỏi thầy, hỏi bạn.

GV luôn tôn trọng những câu trả lời của HS dù đúng hay sai, khuyến khích các em hỏi thầy cô, hỏi lẫn nhau.

c. Thông quan PP hỏi đáp, GV nắm được trình độ của học sinh

GV nắm được năng lực của học sinh thông qua kiến thức và kỹ năng (Tư duy, thực hành..), nắm được thái độ, cá tính của học sinh, khuyến khích các em phát huy tính tích cực, uốn nắn, nâng đỡ để các em khắc phục những nhược điểm.

d. PP hỏi đáp có tác dụng tích cực về mặt tâm lí

Tạo ra không khí trong lớp học linh hoạt, sôi nổi, thái độ của học sinh cởi mở, tự nhiên, thoải mái cho tất cả các đối tượng học sinh, khuyến khích các em đều tham gia vào hoạt động học tập.

3. Kỹ thuật sử dụng phương pháp hỏi đáp

Có nghệ thuật đặt câu hỏi: Câu hỏi phải ngắn gọn, rõ ràng, dễ nhớ, dễ hiểu, phát huy được tính tích cực, sáng tạo của học sinh.

Ngay từ khi soạn bài, GV phải chuẩn bị sẵn một hệ thống câu hỏi, các câu hỏi phải được sắp xếp theo một trình tự lô gic, mỗi câu hỏi phải là một bước để dần dần giải quyết những vấn đề do bài học đặt ra.

Trong khi sử dụng PP hỏi đáp, GV nêu ra các câu hỏi kích thích HS suy nghĩ và trả lời dựa trên vốn hiểu biết đã có, kinh nghiệm sống hoặc trên cơ sở các quan sát, thí nghiệm trong học tập để giúp chúng nêu ra được những khái niệm, những kết luận khoa học hoặc vận dụng kiến thức vào thực tế.

Bằng sự dẫn dắt khéo léo của GV, gây được cho học sinh cảm giác chính chúng đã tìm ra kiến thức mới.

Các câu hỏi do GV nêu ra phải góp phần nâng cao trình độ tư duy, suy luận của HS qua việc so sánh các sự vật và hiện tượng, tìm ra nguyên nhân và bản chất của các SV HT và có thể vận dụng kiến thức vào những trường hợp tương tự.

III. PHƯƠNG PHÁP THẢO LUẬN

1. Khái niệm

Phương pháp thảo luận là cách thức tổ chức đối thoại giữa GV và HS hoặc giữa học sinh và học sinh nhằm huy động trí tuệ của tập thể để giải quyết một vấn đề do môn học đặt ra hoặc một vấn đề do thực tế cuộc sống đòi hỏi, để tìm hiểu hoặc đưa ra những giải pháp, những kiến nghị, những quan niệm mới □

Học sinh giữ vai trò tích cực và chủ động tham gia thảo luận và tranh luận, GV giữ vai trò nêu vấn đề khi cần thiết và tổng kết thảo luận.

2. Tác dụng của PP thảo luận

Thảo luận có tác dụng góp phần hình thành năng lực cá nhân thể hiện trên 3 mặt:

Học sinh được tập dượt tham gia tìm hiểu hoặc giải quyết một vấn đề do tình huống học tập hoặc do thực tế đặt ra.

Học sinh được học hỏi bạn, biến kiến thức của bạn thành kiến thức của mình. Thông qua thảo luận nâng cao năng lực cá nhân (nói, giao tiếp, tranh luận □).

Sử dụng trí tuệ tập thể theo phương châm: Hợp tác để đạt kết quả cao □ “Một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại nên hòn núi cao”

Quá trình thảo luận dưới sự hướng dẫn của giáo viên còn tạo ra mối quan hệ hai chiều giữa GV và HS, giữa HS và HS, giúp GV nắm được hiệu quả giáo dục về mặt nhận thức, thái độ, quan điểm, hành vi của HS □

Trong quá trình thảo luận, HS giữ vai trò tích cực tham gia thảo luận, GV giữ vai trò nêu vấn đề, gợi ý khi cần thiết và tổng kết thảo luận.

3. Cách tiến hành

Bước 1: Chuẩn bị nội dung thảo luận

GV cần chọn nội dung thảo luận thích hợp với HS. Trước khi đưa ra đề tài (vấn đề) thảo luận, GV phải nghiên cứu xem HS đã biết gì, cảm thấy gì, sẽ suy nghĩ gì về đề tài (vấn đề) này. Nếu có thể, GV giao nhiệm vụ trước cho HS chuẩn bị ở nhà. Những nhiệm vụ này phải cụ thể, sát với nội dung thảo luận.

Bước 2: Tiến hành thảo luận

Mở đầu, GV thông báo về vấn đề cần thảo luận, hình thức và cách thức thảo luận.

GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm, mỗi nhóm lại làm việc độc lập, riêng rẽ và cùng đưa ra ý kiến của nhóm mình để thảo luận trước lớp.

Trong quá trình HS thảo luận, GV làm nhiệm vụ quan sát, theo dõi, giúp đỡ khi cần thiết và khuyến khích sự tham gia của mỗi HS.

c. Tổng kết và đánh giá thảo luận

GV hoặc HS tổng kết thảo luận và trình bày những ý kiến đã được thống nhất của tập thể các nhóm. Cuộc thảo luận có thể có kết thúc mở, tức là không nhất thiết phải đi tới việc xác định đúng hoặc sai nhằm khuyến khích học sinh mạnh dạn tham gia thảo luận.

GV đánh giá các ý kiến phát biểu, nhận xét về tinh thần, thái độ làm việc chung của các nhóm và cá nhân.

4. Một số điểm cần lưu ý

GV phải xác định rõ mục đích thảo luận để từ đó xác định nội dung, hình thức và thời điểm thảo luận cho phù hợp.

Nội dung thảo luận thường là những vấn đề gần gũi với cuộc sống HS và có thể có nhiều cách giải quyết khác nhau.

Không nên đưa ra quá nhiều vấn đề hoặc quá nhiều câu hỏi trong một hoạt động, câu hỏi phải dễ hiểu, phù hợp với trình độ nhận thức của HS.

Khi thảo luận, không nên gò ép, áp đặt HS nói theo ý của GV. Cần động viên các em mạnh dạn trình bày ý kiến, quan điểm riêng. ý kiến của các em dù chưa đúng, GV vẫn nên trân trọng và phân tích góp ý để các em đi tới nhận thức đúng.

Thời gian thảo luận không nên kéo dài. Tùy theo đối tượng HS, song thời gian thảo luận không nên chiếm quá nửa tiết học.

IV. PHƯƠNG PHÁP KỂ CHUYỆN

1. Khái niệm

Kể chuyện là cách dùng lời nói trình bày một cách sinh động, có hình ảnh và truyền cảm đến người nghe về một nhân vật lịch sử, một sự kiện lịch sử, một phát

minh khoa học, một vùng đất xa lạ để hình thành một biểu tượng, một khái niệm với một niềm tin sâu sắc.

Ở bậc tiểu học, một số bài học về lịch sử Việt Nam được chuyển tải thông qua các câu chuyện lịch sử để hình thành cho học sinh những biểu tượng sinh động về những sự kiện, hiện tượng và nhân vật lịch sử tiêu biểu của các thời kì dựng nước và giữ nước của dân tộc.

2. Tác dụng của phương pháp kể chuyện

Phương pháp kể chuyện được thực hiện nhiều trong các bài học của phân môn lịch sử. Giáo viên và học sinh đều tham gia kể chuyện sau, khi đã đối thoại để hiểu các tình tiết chủ yếu của bài học lịch sử hoặc đọc thêm tài liệu tham khảo và tự hình thành được biểu tượng lịch sử.

Đối với các chủ đề thuộc môn học khác, phương pháp kể chuyện có thể được thực hiện xen kẽ với nội dung khoa học khi học sinh đang tìm hiểu các chủ đề thuộc môn học đó.

Kể chuyện được coi là sự sao chép có sáng tạo, có tác dụng phát triển khả năng tưởng tượng tái tạo cho học sinh. Sử dụng tốt phương pháp này sẽ giúp HS trình bày được các vấn đề bằng ngôn ngữ của chính mình.

3. Các bước tiến hành

GV có thể tổ chức hoạt động của HS khi sử dụng phương pháp này theo các bước:

Bước 1: Tổ chức cho học sinh tìm hiểu truyện (có 4 cách)

GV đặt hệ thống câu hỏi làm chỗ dựa cho HS tìm hiểu truyện.

GV cho HS chỉ trên lược đồ diễn biến của 1 trận đánh hay 1 cuộc khởi nghĩa.

GV tổ chức cho HS xây dựng bảng niên biểu phản ánh diễn biến của một trận đánh hay 1 cuộc khởi nghĩa.

GV tổ chức cho HS sắp xếp hệ thống tranh liên hoàn.

Bước 2: HS kể lại câu chuyện bằng ngôn ngữ của mình dựa trên kết quả hoạt động tìm hiểu truyện trong nhóm.

Bước 3: Đại diện các nhóm kể lại câu chuyện trước lớp.

4. Một số điểm cần lưu ý

Phương pháp kể chuyện thường được sử dụng khi dạy những bài học có nhiều tình tiết liên quan đến nhau theo thứ tự thời gian của phần lịch sử trong môn Lịch sử và Địa lí. Thời gian dành cho học sinh hoặc giáo viên kể chuyện không nên kéo dài quá 15 — 20 phút. Cần chú ý dành nhiều thời gian để học sinh tiếp xúc với sử liệu, qua đó tự hình thành các biểu tượng lịch sử.

Giáo viên cần tái hiện quá khứ đúng như nó đã tồn tại, tức là cần tôn trọng tính chân thực lịch sử, tránh “hiện đại hoá” lịch sử.

Trong khi truyền thu các kiến thức về lịch sử, GV cần chống lại cách học phổ biến hiện nay là học thuộc từng câu, từng chữ trong SGK. Học sinh phải kể lại được câu chuyện lịch sử bằng chính ngôn ngữ của chúng theo cách:

- + Học sinh đọc trước SGK dựa theo những câu hỏi cho trước của GV.
- + Giáo viên nêu ra những câu hỏi gợi mở theo tình tiết trong câu chuyện.

* Phương pháp kể chuyện cũng được sử dụng khi dạy môn TNXH, môn Khoa học và phần Địa lí trong môn LS & ĐL. Thời gian kể chuyện của GV chỉ chiếm vài phút để giới thiệu tiểu sử một nhân vật lịch sử, một nhà khoa học, một phát minh khoa học hoặc mô tả một hiện tượng trong TN hoặc XH.

V. PHƯƠNG PHÁP ĐÓNG VAI

1. Khái niệm

Phương pháp đóng vai là cách thức tổ chức học sinh tham gia giải quyết một tình huống của nội dung học tập gắn liền với thực tế cuộc sống bằng cách diễn xuất một cách ngẫu hứng mà không cần kịch bản hoặc luyện tập trước.

2. Tác dụng của phương pháp đóng vai

Trong khi diễn xuất, HS xúc cảm vai diễn một nhân vật nào đó, phát huy trí tưởng tượng và xâm nhập vào cuộc sống để tìm cách giải quyết., qua đó rèn kĩ năng giải quyết vấn đề một cách tự nhiên và hợp lí hoặc diễn lại một tiểu phẩm lịch sử trong đó các nhân vật có nhiều đối thoại hay để qua đó học tập các nhân vật lịch sử.

Đóng vai còn được xếp trong phương pháp hoạt động. Dạng hoạt động này mang tính sáng tạo.

Trong dạy học TN — XH, PP đóng vai có vai trò rất quan trọng vì:

HS được hình thành các kỹ năng giao tiếp.

HS được bộc lộ thái độ và cảm xúc.

Phát triển tính tự tin.

Tạo ra những tình huống giúp HS suy nghĩ và tự ra quyết định.

3. Cách tiến hành

Bước 1: Lựa chọn tình huống

Giáo viên và học sinh cùng lựa chọn tình huống đóng vai và xác định rõ việc đóng vai trong tình huống đó nhằm đạt mục đích gì.

Bước 2: Chọn người tham gia

Học sinh tình nguyện tham gia hoặc giáo viên tiến cử và được học sinh hứng thú chấp nhận đóng vai.

Bước 3: Chuẩn bị diễn xuất

Các vai diễn bàn bạc cách thể hiện (học sinh chủ động bàn bạc, giáo viên chỉ gợi ý nếu thấy cần thiết và tạo điều kiện về cơ sở vật chất cho buổi diễn). GV hướng dẫn những HS còn lại tự đặt mình vào vị trí các nhân vật đó và lưu ý HS cần suy nghĩ và hành động như thế nào khi bản thân gặp tình huống đó.

Bước 4: Thể hiện vai diễn

Một số học sinh diễn xuất, các học sinh khác quan sát.

Bước 5: Đánh giá kết quả

Giáo viên hướng dẫn học sinh thảo luận và đánh giá vở diễn về sự thể hiện nội dung và nghệ thuật diễn xuất.

Yêu cầu một số HS khác đóng vai theo cách các em đã lựa chọn □

GV giúp HS tự rút ra bài học cho bản thân.

4. Một số điểm cần lưu ý

Tình huống phải phù hợp với nội dung bài học, trình độ HS và không nên quá phức tạp.

Khuyến khích mọi HS tham gia vào quá trình thảo luận xây dựng vở diễn, tập đóng vai hoặc phục vụ cho việc đóng vai của các bạn trong nhóm.

Khi HS thảo luận, GV cần quan sát, lắng nghe, kịp thời phát hiện những khó khăn, lúng túng để hỗ trợ khi cần thiết.

Cần chuẩn bị cơ sở vật chất cho phù hợp để trò chơi đóng vai thêm hứng thú, hấp dẫn đối với HS.

VI. PHƯƠNG PHÁP TRÒ CHƠI

1. Khái niệm

Phương pháp trò chơi là cách thức giáo viên tổ chức ra một trò chơi có nội dung gắn với hoạt động học tập của học sinh.

2. Tác dụng của trò chơi học tập

Trong tiết học TNXH, việc tổ chức cho HS chơi vào bất cứ phần nào của bài học đều rất quan trọng vì các lí do:

Làm thay đổi hình thức học tập, làm cho không khí trong lớp học trở nên thoải mái, dễ chịu.

Làm quá trình học tập trở thành hình thức vui chơi, hấp dẫn, tạo điều kiện cho học sinh thấy vui vẻ, cởi mở, nhanh nhẹn hơn trong quá trình tiếp thu nội dung bài học làm cho các em học tập một cách tự giác, tích cực hơn.

Qua trò chơi học sinh được củng cố và hệ thống hoá kiến thức.

3. Các yêu cầu của trò chơi học tập

Trò chơi phải thú vị để thu hút được đa số học sinh tích cực tham gia.

Trò chơi phải đơn giản, dễ thực hiện.

Các trò chơi không được tốn nhiều thời gian, sức lực để không ảnh hưởng đến các hoạt động tiếp theo của tiết học và ảnh hưởng đến các tiết học khác.

Quan trọng hơn là trò chơi phải có mục đích học tập, không đơn thuần là trò chơi giải trí.

4. Cách xây dựng một trò chơi học tập

Giáo viên có thể tổ chức bất kì một hoạt động học tập nào thành trò chơi bằng cách vận dụng các nhân tố cơ bản sau:

Phải thể hiện tính thi đua giữa các cá nhân và các nhóm,

Có quy định về thưởng, phạt.

Có cách chơi rõ ràng (bao gồm cả thời gian).

Có cách tính điểm.

Như vậy, để xây dựng một trò chơi học tập, GV cần lựa chọn từ các hoạt động học tập đảm bảo được các nhân tố cơ bản trên. Ngoài các trò chơi đã có trong SGK, GV có thể bổ sung các trò chơi cho hợp lí với bài học và trình độ nhận thức của HS.

5. Cách tổ chức một trò chơi

Giới thiệu tên trò chơi, hướng dẫn cách chơi, thời gian chơi và phổ biến luật chơi.

Cho HS chơi thử (nếu cần).

Chơi thật.

Nhận xét kết quả của trò chơi, có thể “thưởng” hoặc “phạt” người thắng hoặc người thua, nhận xét thái độ của người tham dự và rút kinh nghiệm.

Kết thúc: GV hỏi HS đã học được gì qua trò chơi hoặc GV tổng kết lại những gì cần học qua trò chơi này.

VII. PHƯƠNG PHÁP THỰC HÀNH

1. Khái niệm

Là phương pháp dạy học do GV tổ chức cho học sinh trực tiếp thao tác trên đối tượng nhằm giúp HS hiểu rõ và vận dụng lí thuyết vào thực hành, luyện tập, hình thành kĩ năng.

* SV nêu ý kiến cho biết các hoạt động thực hành được biểu hiện cụ thể trong quá trình dạy học môn TNXH, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở trường Tiểu học như thế nào?

* GV chốt lại:

Các hoạt động thực hành bao gồm:

- Giải quyết các nhiệm vụ (hay bài tập) do GV nêu ra để HS có thể tự tìm kiếm hoặc chiếm lĩnh được kiến thức mới.
 - Tập vận dụng kiến thức vào thực hành để củng cố kiến thức, hình thành kỹ năng.
 - Thực hành đo lường (cân, đo, đong...) lượng nước mưa thu được. Vẽ các hiện tượng tự nhiên (mây, mặt trời, mặt trăng☐), các loài cây, con trên trái đất☐
 - Tiến hành các trò chơi có nội dung tìm hiểu các hiện tượng TNXH.
- Trong đó thực hành quan sát các hiện tượng tự nhiên và làm việc trên các mẫu vật đóng vai trò rất quan trọng.

2. Cách tiến hành

Bước 1: Giúp HS hiểu vì sao thực hiện kỹ năng đó và một số thông tin quan trọng khác.

Bước 2: GV hướng dẫn để HS biết trình tự các bước và cách thực hiện từng thao tác. Cách tốt nhất là HS được xem trình diễn hoặc nghiên cứu tình huống. Trong trường hợp phải làm mẫu, GV nên làm với tốc độ vừa phải để HS theo dõi và tiếp thu được. Cách tốt nhất là GV nên vừa làm mẫu vừa kết hợp với giải thích các thao tác.

Bước 3: Tổ chức cho HS thực hành

HS có thể thực hành cá nhân hoặc theo nhóm, tùy số đồ dùng chuẩn bị được, tuy nhiên GV cần tạo điều kiện để HS thực hành cá nhân.

GV chú ý quan sát hoạt động thực hành của HS để nhanh chóng phát hiện những khó khăn, sai sót và những em cần được chỉ dẫn thêm hoặc giúp đỡ.

Bước 4: Tổ chức cho HS tự báo cáo kết quả thực hành trước lớp, GV kiểm tra, hiệu chỉnh..

3. Yêu cầu khi sử dụng PP thực hành (mở rộng)

* Giáo viên phải chuẩn bị chu đáo nội dung thực hành rồi căn cứ vào đó mà chuẩn bị phương pháp dạy học thích hợp.

- Đối với các bài thực hành sau khi dạy học kiến thức mới hoặc trong các tiết thực hành GV nên căn cứ vào nội dung từng bài mà xác định yêu cầu, dự kiến thời

gian thực hành và phân công cho từng đối tượng HS (VD...). Trên cơ sở đó mà chuẩn bị những phương pháp dạy học phù hợp với nội dung từng bài hoặc phù hợp với từng đối tượng HS, có phần thực hành chủ yếu do HS tự suy nghĩ và làm, có phần GV phải định hướng cho các em...

- Khi dạy về các loài cây, các lớp thú phải hướng dẫn sao cho qua thực hành HS nhớ được tên gọi, nhớ các giống, các loài theo một trình tự nhất định, trong quá trình thực hành (theo cá nhân, theo nhóm...) GV cần quan sát, hỗ trợ HS bằng cách phối hợp các phương pháp Trực quan gợi mở hoặc Giảng giải minh họa khi cần thiết.

* Tạo điều kiện để HS được thực hành nhiều.

- Sử dụng PP thực hành trong dạy học TNXH ở Tiểu học chủ yếu để tăng cường thời gian thực hành cho HS. Vì vậy cần tạo điều kiện để HS được thực hành nhiều và đặc biệt cần tổ chức hướng dẫn HS chủ động, tích cực sáng tạo trong thực hành, tránh làm thay hoặc áp đặt cho HS.

- Cần động viên mỗi HS trong lớp thực hành một cách độc lập, mọi HS đều phải cố gắng tự suy nghĩ, tự tìm biện pháp.

- Sau mỗi giai đoạn hoạt động độc lập của HS, GV cần tổ chức nhận xét, điều chỉnh sai lầm và có những bổ sung kiến thức cần thiết.

- Các yêu cầu cần đi từ đơn giản đến phức tạp, cuối cùng nên có những bài tập tổng hợp để mức độ luyện tập nâng cao dần.

- Thường xuyên thay đổi hình thức thực hành để gây hứng thú học tập cho HS.

- Cần thực hành nhiều, nhưng yêu cầu nên vừa phải, tránh bắt học sinh làm việc quá sức.

VIII. PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRA

1. Khái niệm

Là phương pháp dạy học thông qua cách tổ chức và hướng dẫn HS tìm hiểu một vấn đề. Dựa trên các thông tin đã thu thập được. GV hướng dẫn HS phân tích, so sánh, khái quát để rút ra kết luận hoặc nêu ra các giải pháp, kiến nghị.

Hoạt động điều tra, sưu tầm giúp học sinh có được các kiến thức, hiểu biết về đối tượng trong nội dung bài học mà các em sẽ được tự tìm hiểu, hình thành kỹ năng làm việc và thực hiện các hoạt động ở môi trường bên ngoài lớp học.

2. Tác dụng

Làm thay đổi hình thức học tập, làm cho việc thực hiện các nhiệm vụ của bài học trở nên thoải mái, dễ chịu.

Khi tổ chức HS tiến hành điều tra, trên thực tế GV đã dẫn dắt HS tham gia vào một hình thức học tập độc lập, sáng tạo, chuẩn bị cho các em năng lực nghiên cứu sau này.

Năng lực điều tra nghiên cứu giúp HS tìm hiểu môi trường TNXH gần gũi xung quanh, nhằm hình thành kỹ năng thu thập và truyền đạt thông tin, đồng thời giúp HS có kỹ năng làm việc theo kế hoạch, hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau, bước đầu biết sử dụng các phương pháp toán học, sơ đồ hoá, đề xuất giải pháp chuẩn bị cho hoạt động nghề nghiệp sau này.

3. Cách tiến hành

Bước 1: Xác định mục đích, nội dung và đối tượng điều tra

GV định hướng cho HS mục đích của việc điều tra, hay nói cách khác là phải trả lời câu hỏi: “Việc khảo sát, điều tra nhằm mục đích gì?”

Nội dung điều tra phải đảm bảo gắn với chủ đề bài học, phù hợp với trình độ HS và không làm mất nhiều thời gian.

Đối tượng điều tra là môi trường TN, XH, nhân dân, HS□

Bước 2: Tổ chức cho HS điều tra

Tùy theo mục đích, nội dung, tính chất của việc điều tra, GV có thể tổ chức cho HS tìm hiểu, tổ chức điều tra theo nhóm hoặc cá nhân và có thể thực hiện trước hoặc sau bài học.

Phân công cụ thể, rõ ràng nhiệm vụ điều tra, tìm hiểu cho từng cá nhân, nhóm và xác định thời gian phải báo cáo kết quả.

Hướng dẫn HS cách thức tìm hiểu điều tra để thu thập thông tin (quan sát, phỏng vấn, thu thập□).

Hướng dẫn HS ghi chép cẩn thận và xử lí thông tin.

Bước 3: Tổ chức cho HS báo cáo kết quả điều tra

Học sinh báo cáo kết quả, lớp thảo luận, đánh giá, nhận xét, bổ sung□

4. Lưu ý

PP điều tra có thể tiến hành trong học tập nội khoá hoặc ngoại khoá với thời lượng rất khác nhau (có thể trong một tiết học hoặc có thể kéo dài vài tuần). Nội dung điều tra là một phần của chương trình, nhưng được dạy ngoài lớp.

IX. PHƯƠNG PHÁP ĐỘNG NÃO

1. Khái niệm

PP động não là 1 phương pháp dùng để giải quyết nhiều vấn đề khác nhau, giúp người học trong một thời gian ngắn nảy sinh ra nhiều ý tưởng, nhiều giả định về một vấn đề nào đó.

2. Tác dụng của PP động não

PP pháp này giúp HS học như thế nào để:

Trả lời nhanh.

Khắc phục sự ngưng ngừng khi trình bày ý kiến.

Tránh trả lời hấp tấp với thời gian hạn định.

Tự do và chân thực trong việc tham gia các hoạt động mà không quan tâm đến những hạn chế của cá nhân.

3. Cách sử dụng

So với 1 số PP khác, PP động não ít được sử dụng hơn trong dạy học nói chung. Thống kê cho thấy: các chủ đề sử dụng nhiều phương pháp này là chủ đề “Con người và sức khoẻ”, “Xã hội”.

Trong dạy học các môn Khoa học, Lịch sử và Địa lí, PP động não được vận dụng khi giúp HS phát hiện vấn đề ít nhiều đã quen thuộc trong cuộc sống của HS. Những vấn đề này thường tập trung ở hai chủ đề “Con người và sức khoẻ”, “Xã hội”

không quá khó với HS, các em có thể nhanh chóng trả lời và tập trung vào vấn đề được nêu.

Mỗi vấn đề được nêu trong phương pháp động não thường giúp HS đưa ra nhiều đáp án mà thông thường mỗi HS chưa thể trình bày đầy đủ, chính xác.

Các bước tiến hành:

Bước 1: Lựa chọn và nêu vấn đề cần tìm hiểu cho HS.

GV nêu vấn đề cho HS trước lớp hay nhóm.

Bước 2: Tổ chức cho HS phát biểu ý kiến.

Khích lệ học sinh phát biểu và đóng góp ý kiến càng nhiều càng tốt.

Liệt kê tất cả mọi ý kiến và trực quan hoá các ý kiến, không loại trừ một ý kiến nào trừ ý kiến trùng lặp.

Làm rõ hơn những ý kiến chưa rõ và giúp HS thảo luận một số ý cần thiết, tạo điều kiện cho các em nêu các ý kiến thắc mắc, bổ sung.

Bước 3: Tổng hợp ý kiến

Giáo viên hướng dẫn HS tổng hợp các ý kiến phát biểu, cuối cùng GV rút ra kết luận cho câu trả lời.

4. Một số điểm cần lưu ý

Các vấn đề nêu ra phải giúp HS trả lời thật ngắn gọn, tốt nhất bằng một vài từ hay cụm từ hoặc câu đơn thật ngắn cho mỗi ý đúng.

GV cần khen ngợi tất cả mọi ý kiến của HS, hạn chế phê phán, nhận định đúng-sai.

Khi tổng hợp các ý kiến, GV cần hướng vào các ý kiến có sự tham gia của nhiều HS.

Khi sử dụng PP động não, không khí lớp học thường sôi nổi, ồn ào, GV cần đưa ra các hướng dẫn để HS có thể tìm ra các ý tưởng, giả định sát với chuẩn kiến thức và cả những quy định cần thiết về tổ chức lớp học.

Động não không phải là một phương pháp hoàn chỉnh mà chỉ là sự khởi đầu, một số tài liệu coi động não như một kỹ thuật dạy học.

X. PHƯƠNG PHÁP THÍ NGHIỆM

1. Khái niệm

Khi tiến hành các thí nghiệm, giáo viên hoặc học sinh sử dụng các dụng cụ thí nghiệm tái tạo hiện tượng như đã xảy ra trong thực tế để tìm hiểu và rút ra những kết luận khoa học.

Ở bậc tiểu học, các thí nghiệm chỉ nghiên cứu các hiện tượng về mặt định tính mà chưa đặt ra về mặt định lượng.

2. Tác dụng và yêu cầu SP của phương pháp thí nghiệm

a. Tác dụng

Đối với học sinh, các thí nghiệm tạo ra niềm tin khoa học, nâng cao tính tích cực, tự lực và tư duy khoa học khi tiếp xúc với các hiện tượng trong thực tế, làm quen và dần dần hình thành kỹ năng sử dụng các dụng cụ thí nghiệm, các dụng cụ đo trong phòng thí nghiệm và trong đời sống.

b. Yêu cầu SP khi thực hiện thí nghiệm

Vừa sức:

Nội dung thí nghiệm phù hợp với chương trình và khả năng tiếp thu của HS.

Rõ ràng:

Thiết bị TN phải thể hiện rõ những chi tiết chủ yếu, thể hiện tính trực quan.

Truyền cảm và thuyết phục:

Học sinh phải được thấy rõ mục đích thí nghiệm. Thí nghiệm phải đảm bảo thành công. Những suy lí để dẫn tới kết luận phải chặt chẽ, thể hiện được tư duy logic và kích thích lòng ham mê khoa học

An toàn:

Mọi trang thiết bị thí nghiệm phải đảm bảo an toàn cho giáo viên và học sinh. Vì vậy, để đảm bảo thí nghiệm thành công, giáo viên phải tự mình kiểm tra các trang thiết bị và làm thử để khẳng định sự thành công của thí nghiệm trước khi tiến hành thí nghiệm chính thức.

3. Các bước hướng dẫn HS làm thí nghiệm

Bước 1: Xác định mục đích của thí nghiệm

Bước 2: Vạch kế hoạch thí nghiệm

- Lựa chọn dụng cụ và các chất tham gia thí nghiệm.
- Vạch kế hoạch cụ thể (tiến hành cái gì trước? Cái gì sau? thao tác gì? quan sát gì?□)

Bước 3: tiến hành thí nghiệm

- HS tiến hành thí nghiệm (theo kế hoạch đã vạch ra).
 - HS quan sát diễn biến của thí nghiệm.
- + Học sinh phải quan sát đối tượng mà mình tác động, đồng thời quan sát để ghi nhận kết quả.
- + Học sinh phải có khả năng so sánh khi quan sát, để phát hiện ra điều lạ, nêu câu hỏi “Tại sao”□

HS ghi lại kết quả quan sát.

Bước 4: Phân tích và kết luận

- HS phân tích kết quả thu được sau khi làm thí nghiệm (dựa vào gợi ý của GV)
- HS báo cáo kết quả thí nghiệm và có thể làm lại thí nghiệm để kiểm tra.
- GV hay HS khác bổ sung, hoàn thiện, rút ra kết luận và đưa ra các vận dụng cần thiết trong cuộc sống.

4. Một số điểm cần lưu ý

- Có những thí nghiệm không thể cho HS trực tiếp làm mà chỉ cho các em quan sát thí nghiệm qua thao tác của GV, sau đó HS thảo luận kết quả thí nghiệm.
- Để làm thí nghiệm đòi hỏi phải có những kiến thức, kỹ năng nhất định mà trong bài học chưa thể hướng dẫn đầy đủ cho HS (VD: làm thí nghiệm về tính chất hoá học của một số chất, chức năng của các cơ quan trong cơ thể□)
- Thí nghiệm tiến hành không cẩn thận có thể ảnh hưởng tới sức khoẻ của HS.

CHƯƠNG III
MỘT SỐ HÌNH THỨC DẠY HỌC MÔN TNXH, KHOA HỌC,
LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ Ở TIỂU HỌC
(7 tiết)

A. MỤC TIÊU

Kiến thức:

Am hiểu về mục tiêu và nội dung chương trình, cấu trúc SGK, SGV môn TNXH, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở Tiểu học

Nắm được chuẩn chương trình TNXH Tiểu học, nắm được các hình thức dạy học TNXH đặc trưng, cơ bản thường dùng ở nhà trường Tiểu học hiện nay, biết cách lập kế hoạch dạy học và tổ chức giờ học, nắm được các hình thức đánh giá cơ bản trong dạy học TNXH, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở Tiểu học.

Kĩ năng:

Có các kĩ năng trong việc lựa chọn, sử dụng các hình thức dạy học nhằm phát triển năng lực HS trong môn TNXH, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở Tiểu học.

Lập kế hoạch bài học môn TNXH, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở Tiểu học theo hướng tích cực.

Sử dụng thiết bị có hiệu quả và tự làm một số đồ dùng dạy học đơn giản phục vụ môn học.

Nắm được các kĩ thuật cơ bản để tổ chức giờ học TNXH và đánh giá kết quả học tập môn TNXH, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở Tiểu học theo định hướng mới, có các kĩ năng giao tiếp với các đối tượng khác như đồng nghiệp, phụ huynh học sinh và các đối tượng trong môi trường giáo dục.

Thái độ:

Có ý thức cập nhật hình thức dạy học mới và thường xuyên rèn luyện năng lực sư phạm.

B. PHƯƠNG TIỆN DẠY VÀ HỌC

- Giáo trình *Tự nhiên-xã hội và phương pháp dạy học TNXH ở Tiểu học*, sách xuất bản trong khuôn khổ dự án phát triển GVTH, NXB GD 2006.

- *PP dạy học tìm hiểu tự nhiên-xã hội*, NXB HN 1993.

- *Bộ SGK, SGV TN-XH... Tiểu học*, NXB GD.

C. PHƯƠNG PHÁP

- Phương pháp nêu vấn đề.

- Phương pháp thuyết trình.

- Phương pháp trực quan.

- Phương pháp thảo luận nhóm.

D. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC CHỦ YẾU.

I. HÌNH THỨC DẠY HỌC VÀ CÁC KIỂU TIẾT HỌC

Trong nhà trường phổ thông thường áp dụng các hình thức dạy học như : hình thức dạy học trong lớp, hình thức dạy học ngoài lớp, hoạt động ngoại khoá.

Các hình thức dạy học này cũng được áp dụng phổ biến ở tiểu học nói chung và dạy học môn TN XH nói riêng. Có thể khái quát các hình thức dạy học này thành hai hình thức chính: hình thức dạy học trong lớp, hình thức dạy học ngoài lớp và tham quan.

Hình thức dạy học trong lớp được tổ chức ở dạng tiết học. Hình thức này được áp dụng cho nhiều môn học. Có nhiều kiểu tiết học (trình bày kiến thức, kĩ năng mới, ôn tập, thực hành□), nhưng trong đó tiết học trình bày kiến thức và kĩ năng mới là phổ biến hơn cả. Mỗi tiết học truyền thống thường có các bước: ổn định tổ chức lớp, kiểm tra bài cũ, giảng bài mới, củng cố, hướng dẫn học sinh làm bài tập ở nhà. Tuy nhiên, khi thiết kế các hoạt động dạy học nhằm phát huy tính tích cực của HS, các bước dạy học này không còn theo thứ tự và phân định rõ như trên. Thay vào đó là việc tổ chức các hoạt động dạy học phù hợp với từng bài học.

Các hoạt động dạy học này đã được định hướng khá cụ thể trong SGK. GV cần vận dụng sao cho thích hợp với trình độ nhận thức của HS và điều kiện cơ sở vật chất, đồ dùng phục vụ dạy học của nhà trường.

II. CÁC HÌNH THỨC DẠY HỌC TRONG LỚP

Quá trình dạy học trong lớp có thể tiến hành theo ba hình thức sau đây

1. Dạy học đồng loạt cả lớp

a. ưu điểm

Phù hợp với hình thức tổ chức dạy học theo trường, lớp ở trường tiểu học hiện nay.

Giáo viên dễ điều hành và quản lí lớp.

Giáo viên dễ sử dụng các phương tiện dạy học hiện có để thực hiện bài dạy theo chương trình, hạn chế lệ thuộc vào môi trường xung quanh.

Trong một thời gian ngắn có thể thông báo được nhiều kiến thức.

b. Nhược điểm

Giáo viên làm việc nhiều, HS làm việc ít và nhận thức thụ động.

HS phải quan sát, tiếp thu phần lớn kiến thức gián tiếp qua tranh, ảnh và ngôn ngữ, ít có điều kiện để thực hành, vận dụng kiến thức.

Học sinh cả lớp ít có điều kiện làm việc với phương tiện học tập cá nhân để suy nghĩ, phát huy tính tích cực của bản thân trong học tập.

c. Những điểm cần lưu ý

Phối hợp hình thức dạy học đồng loạt cả lớp với các hình thức dạy học theo nhóm và cá nhân.

Sử dụng hình thức này nên hướng vào các hoạt động định hướng nhiệm vụ học tập, HS trình bày báo cáo, GV bổ sung, kết luận vấn đề sau mỗi phần hoặc cuối bài học. Ngoài ra, hình thức này trở nên cần thiết khi GV sử dụng các hình thức dạy học như: kể chuyện, thuyết trình, giải thích một vấn đề khó hoặc tiến hành các tiết học kiểm tra.

2. Dạy học theo nhóm

a. Quan niệm

Dạy học hợp tác theo nhóm tạo điều kiện cho mỗi thành viên đều được hoạt động tích cực, không thể ỷ lại vào một vài người năng động và nổi trội hơn. Các thành viên trong nhóm giúp nhau tìm hiểu vấn đề trong không khí thi đua với các

nhóm khác, kết quả làm việc của mỗi nhóm sẽ đóng góp vào kết quả chung của cả lớp. Trong dạy học TNXH, GV cần sử dụng nhiều hình thức dạy học này vì:

Các kiến thức ở các bài học liên quan đến nhiều vấn đề xung quanh mà bản thân HS có thể chưa có điều kiện tiếp xúc trực tiếp, hoặc tiếp xúc mà chưa rõ, cần có sự trao đổi thảo luận.

Một số kiến thức khó và trừu tượng: các hoạt động kinh tế (nông nghiệp, công nghiệp, thương mại), sự chuyển động của trái đất, luật, đạo luật, nhà nước.

b. Ưu điểm

Học sinh dễ học hỏi lẫn nhau, từng em có thể bộc lộ ý kiến của mình và nghe ý kiến của người khác để cùng hoàn thành nhiệm vụ và hạn chế sự tiếp nhận thụ động từ giáo viên, trên cơ sở đó hiệu quả dạy học sẽ cao.

Bằng cách nói ra những điều đang suy nghĩ, mỗi HS có thể nhận rõ trình độ nhận thức của mình với bài học và biết mình cần học hỏi thêm những gì.

Học sinh biết cách trình bày ý kiến của mình, biết nghe và lựa chọn để tiếp nhận ý kiến của người khác và tập dượt cách chỉ huy người khác.

Giáo viên có điều kiện quan sát, theo dõi giúp đỡ các hoạt động của HS.

c. Nhược điểm

Áp dụng phương pháp này bị hạn chế bởi không gian chật hẹp của lớp học dễ gây ồn, ảnh hưởng tới các lớp học khác.

Do thời gian hạn định của tiết học, nếu tổ chức không hợp lí sẽ làm mất thời gian, bài dạy khó hoàn thành

d. Lưu ý

Cần đa dạng các hình thức học tập, không nên tổ chức hoạt động nhóm trong cả tiết học.

Trong hoạt động nhóm, sự tư duy tích cực, rèn kĩ năng của học sinh phải được phát huy và ý nghĩa quan trọng của phương pháp này là rèn năng lực hợp tác giữa các thành viên trong tổ chức lao động.

Cần lựa chọn nội dung, chủ đề phù hợp cho hoạt động học tập theo nhóm, tránh việc chọn nội dung quá dễ hoặc mất nhiều thời gian.

Các nhóm chỉ trình bày ý kiến trước lớp khi đã trao đổi, thống nhất giữa các thành viên trong nhóm (các thành viên chỉ có thể bổ sung chứ không được phản đối ý kiến báo cáo đại diện của nhóm mình).

GV cần linh hoạt trong việc chia nhóm theo từng tháng, sao cho vừa thuận tiện trong việc theo dõi vừa giúp HS có thể trao đổi với nhau.

e. Một số hoạt động có thể tổ chức dạy học theo nhóm

Thảo luận một chủ đề (trong nội khoá hoặc ngoại khoá).

Ôn tập và tổng kết kiến thức.

Tìm hiểu, điều tra một đề tài.

Tiến hành thí nghiệm (trong nội khoá hoặc ngoại khoá).

Tiến hành trò chơi.

Kiểm tra chéo giữa các nhóm theo tiêu chí do giáo viên đưa ra.

3. Dạy học cá nhân

a. Quan niệm

Dạy học cá nhân là hình thức giáo viên dạy trực tiếp cho một cá nhân hoặc giáo viên có thể sử dụng các tài liệu, phương tiện dạy học (phiếu học tập, sách bài tập, câu hỏi trắc nghiệm) giao việc cụ thể cho từng học sinh, GV cũng có thể yêu cầu từng em tự làm một số thí nghiệm, sưu tầm tranh ảnh, đồ dùng dạy học, điều tra. Sau đó từng HS hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao

b. ưu điểm

Giáo viên có thể giúp đỡ HS kém và bồi dưỡng HS khá giỏi.

Tạo mối quan hệ thân mật, hợp tác giữa GV và HS trên cơ sở tôn trọng nhân cách của các em trong học tập.

Thông qua giao việc cụ thể cho từng học sinh, buộc HS phải tích cực hoạt động, tự mình phát hiện ra kiến thức.

Hình thức này cũng phù hợp với chương trình học tập dành cho lớp ghép.

c. Nhược điểm

Trong một tiết học khó có thể sử dụng nhiều thời gian cho hình thức dạy học này vì ảnh hưởng đến việc hoàn thành nội dung bài học.

d. Một số hoạt động có thể dạy học cá nhân trong môn TNXH

Học sinh làm việc với phiếu học tập: Phiếu thực hành, phiếu kiểm tra, phiếu giao việc.

Học sinh làm các bài tập, bài thực hành.

Tự làm thí nghiệm đơn giản.

Tự làm đồ chơi.

Các hoạt động học tập độc lập (sưu tầm tranh ảnh và hiện vật, điều tra, làm đồ dùng dạy học.)

Giáo viên giúp đỡ cá nhân trong học tập nội khoá và ngoại khoá.

III. DẠY HỌC NGOÀI LỚP VÀ THAM QUAN

Trong dạy học nói chung và dạy học TNXH nói riêng, các tiết học ngoài trời giúp các em hình thành những biểu tượng rõ ràng về thế giới tự nhiên và xã hội bao quanh chúng.

Các em nâng cao được hiệu quả quan sát đồng thời nắm được phương pháp quan sát, qua đó phát triển năng lực tư duy cụ thể và trừu tượng.

Vẻ đẹp của thiên nhiên tạo nên cảm xúc với môi trường sống và đồng thời nâng cao ý thức bảo vệ môi trường sống của cộng đồng. Mặt khác hoạt động tập thể ngoài lớp còn có tác dụng hình thành thói quen hợp tác, tinh thần tương trợ và học hỏi lẫn nhau.

Những hoạt động ngoài lớp còn là cơ hội để các em bộc lộ cá tính, năng khiếu, sở trường, giúp giáo viên định hướng tốt hơn việc giáo dục và giáo dưỡng cho cá nhân và tập thể lớp.

Đối với môn học TNXH, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở tiểu học, 2 hình thức dạy học ngoài lớp thường được sử dụng là dạy học ngoài thiên nhiên và tham quan.

1. Dạy học ngoài lớp

Môn TNXH có nhiều nội dung gắn với môi trường thiên nhiên và xã hội xung quanh, nơi các em HS đang sinh sống. Có thể lựa chọn các đối tượng thực tế liên quan đến các nội dung này cho việc dạy học ngoài lớp. (Cảnh quan trường học, các cơ sở công cộng của quê hương, các loại cây và hoa, các con vật nuôi trong nhà và

các con vật sống trong rừng, xác định phương hướng bằng mặt trời, các dấu hiệu cơ bản của thời tiết, một số dạng địa hình phổ biến trên trái đất, các di tích lịch sử□).

a. Ưu điểm:

Một số PP dạy học TNXH khó thích hợp với không gian chật hẹp của lớp học. Tổ chức dạy học ngoài lớp sẽ thích hợp cho việc sử dụng các phương pháp dạy học quan sát thiên nhiên, trò chơi để gây hứng thú và học tập tích cực cho học sinh.

Giúp học sinh tri giác trực tiếp đối tượng và ghi nhớ tốt, HS sẽ hình thành những biểu tượng rõ ràng về thế giới tự nhiên xã hội xung quanh, các em vừa nâng cao hiệu quả quan sát, vừa tích lũy được nhiều tài liệu qua tri giác làm cơ sở cho tư duy.

HS có điều kiện gần gũi, hiểu biết thêm về thiên nhiên, từ đó có ý thức bảo vệ thiên nhiên và môi trường sống xung quanh.

Hoạt động ngoài lớp còn là cơ hội để các em bộc lộ cá tính, năng khiếu, sở trường, đồng thời có tác dụng hình thành thói quen hợp tác, tương trợ, học hỏi lẫn nhau.

b. Nhược điểm

Khó quản lí HS

Môi trường có thể tác động tới kết quả học tập và sức khỏe của GV và HS.

Mất nhiều thời gian đi lại và ổn định tổ chức lớp, làm ảnh hưởng đến kết quả tiết học.

c. Những điểm cần lưu ý

Môi trường học tập phải đảm bảo không ảnh hưởng tới sức khỏe của HS và nề nếp học tập chung của trường.

Giáo viên cần tìm hiểu hiện trường tiết học, chuẩn bị tốt giáo án cho phù hợp với dạy học ngoài lớp.

Do thời gian tiết học có hạn, do vậy việc tổ chức dạy học ngoài lớp ở các địa điểm gần trường là tốt nhất.

2. Tham quan

a. Vai trò

Tạo điều kiện để HS tiếp xúc với thiên nhiên, xã hội xung quanh nhằm giúp các em vừa có biểu tượng sinh động cụ thể, vừa bổ sung, mở rộng nhận thức ra cả hoạt động bên ngoài nhà trường. Các em cũng có điều kiện vận dụng kiến thức học tập vào đời sống.

Giúp học sinh có điều kiện tiếp xúc với thực tiễn để nhận thức các quy tắc giao tiếp xã hội, tuân thủ luật pháp, nâng cao ý thức tập thể và tinh thần tương trợ cộng đồng.

Tham quan tạo hình thức vận động cơ thể, thay đổi môi trường, góp phần giáo dục thể chất cho HS.

b. Một số hình thức tham quan

Các cơ sở hành chính, y tế văn hoá, giáo dục ở địa phương.

Các di tích lịch sử, các nhà bảo tàng .

Các cơ sở kinh tế: nhà máy, khu chăn nuôi, đồng ruộng, cảng biển

Các cơ sở sử dụng các nguồn năng lượng phổ biến (Điện, nước , gió)

Môi trường tự nhiên: rừng cây, các dạng địa hình phổ biến trên mặt đất (núi, thung lũng, suối, sông, hồ, ao, đầm, cao nguyên).

c. Các bước tiến hành

Bước 1: Chuẩn bị

Giáo viên

Lập kế hoạch tham quan cho năm học để có kế hoạch chuẩn bị

Có kế hoạch khoa học, tỉ mỉ cho từng buổi tham quan (xác định mục đích, địa điểm, thời gian, lộ trình, phương tiện)

Chuẩn bị các câu hỏi định hướng tham quan, các hình thức tổ chức dạy học trong khi tiến hành tham quan.

Các hình thức giúp HS thu thập thông tin (Quan sát, phỏng vấn, thu thập tư liệu, tranh ảnh)

Chuẩn bị hậu cần (thuốc chữa bệnh, thực phẩm, quần áo cho HS)

Học sinh

Chuẩn bị tư trang, thực phẩm, nước uống.

Chuẩn bị giấy bút ghi chép, túi đựng các mẫu vật.

Bước 2: Tiến hành tham quan

Giáo viên dẫn học sinh đến địa điểm tham quan (yêu cầu HS chào hỏi lễ phép khi đến và khi đi, trước lúc ra về biểu lộ sự cảm ơn chân thành và lịch sự).

Yêu cầu HS tôn trọng các quy định về giao tiếp xã hội, tiếp xúc với máy móc, hiện vật và an toàn

GV hướng dẫn HS quan sát, ghi chép và trả lời các câu hỏi của HS.

Bước 3: Tổng kết tham quan

GV giải đáp những thắc mắc còn tồn tại của HS.

Hướng dẫn HS viết thu hoạch hoặc kế hoạch tiếp theo nhằm tổng kết tham quan, dự kiến về kế hoạch trưng bày các thu hoạch bằng vật chất sau tham quan).

Đánh giá về mặt nhận thức và tổ chức sau tham quan.

CHƯƠNG IV
ĐÁNH GIÁ MÔN TNXH, KHOA HỌC, LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ
Ở TIỂU HỌC
(8 tiết)

A. MỤC TIÊU

Kiến thức:

Am hiểu về mục tiêu và nội dung chương trình, cấu trúc SGK, SGV, cách đánh giá kết quả học tập của học sinh qua môn Tự nhiên Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở Tiểu học.

Nắm được chuẩn chương trình TNXH, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở Tiểu học, nắm được các hình thức đánh giá đặc trưng, cơ bản thường dùng ở nhà trường Tiểu học hiện nay, biết cách lập kế hoạch đánh giá và tổ chức đánh giá trong dạy học TNXH, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở Tiểu học.

Kỹ năng:

Có các kỹ năng trong việc lựa chọn, sử dụng các hình thức đánh giá nhằm phát triển năng lực HS trong môn TNXH, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở Tiểu học.

Lập kế hoạch đánh giá môn TNXH, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở Tiểu học theo hướng tích cực.

Nắm được các kỹ thuật cơ bản để tổ chức đánh giá kết quả học tập môn TNXH, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở Tiểu học theo định hướng mới.

Có các kỹ năng giao tiếp với các đối tượng khác như đồng nghiệp, phụ huynh học sinh và các đối tượng trong môi trường giáo dục.

Thái độ:

Có ý thức cập nhật hình thức và phương tiện đánh giá mới, thường xuyên rèn luyện năng lực sư phạm.

B. PHƯƠNG TIỆN DẠY VÀ HỌC

- Giáo trình *Tự nhiên-xã hội và phương pháp dạy học TNXH ở Tiểu học*, sách xuất bản trong khuôn khổ dự án phát triển GVTH, NXB GD 2006.

- *PP dạy học tìm hiểu tự nhiên-xã hội*, NXB HN 1993.

- Bộ SGK, SGV TN-XH... Tiểu học, NXB GD.

C. PHƯƠNG PHÁP

- Phương pháp nêu vấn đề.
- Phương pháp thuyết trình.
- Phương pháp trực quan.
- Phương pháp thảo luận nhóm.

D. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC CHỦ YẾU.

I. MỤC ĐÍCH, NỘI DUNG VÀ Ý NGHĨA CỦA KTĐG TRONG DẠY HỌC TNXH

1. Khái niệm chung về KT - ĐG

Kiểm tra là nhằm cung cấp những dữ kiện, những thông tin làm cơ sở cho việc đánh giá.

Đánh giá là quá trình thu thập một tập thông tin đủ thích hợp có giá trị, đáng tin cậy để đối chiếu tập hợp thông tin này với các mục tiêu đã định ra ban đầu hay đã được điều chỉnh trong quá trình thu thập thông tin nhằm ra một quyết định.

Đánh giá không chỉ nhằm mục đích đo lường các chuẩn mà còn giúp GV điều chỉnh và cải tiến các chuẩn cho phù hợp với đối tượng HS.

Đánh giá cũng là dạy học; là giai đoạn cuối cùng của dạy, nó góp phần thúc đẩy, điều chỉnh quá trình dạy học có hiệu quả. Do đó chất lượng quá trình dạy học phụ thuộc vào chất lượng đánh giá.

2. Mục đích, nội dung đánh giá

Đánh giá mức độ đạt được các mục tiêu dạy học môn TNXH về kiến thức, kỹ năng và thái độ của HS. Mục đích của đánh giá là nhằm uốn nắn những sai sót, phát hiện những khó khăn, vướng mắc của HS trong quá trình học tập.

Về kiến thức:

Đánh giá khả năng mô tả, nhận biết, nhớ lại, tìm tòi, phát hiện kiến thức của môn học.

Về kỹ năng:

Đánh giá các thao tác thực hành tự chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ của bản thân, ứng xử hợp lí trong đời sống để phòng chống một số bệnh tật và tai nạn.

Đánh giá các kĩ năng học tập: Quan sát, nhận xét, nêu thắc mắc, đặt câu hỏi, làm thí nghiệm, đọc tranh ảnh, bản đồ, diễn đạt những hiểu biết về các sự vật hiện tượng đơn giản trong TN & XH.

Về thái độ:

Đánh giá ý thức thực hiện quy tắc giữ vệ sinh, an toàn cho bản thân, gia đình và cộng đồng. Tình cảm với thiên nhiên, gia đình, trường học, quê hương.

Đánh giá sự quan tâm, ham học hỏi, hiểu biết về môn học.

3. Ý nghĩa của đánh giá

Đối với HS:

Đánh giá có hệ thống, thường xuyên cung cấp kịp thời những thông tin “liên hệ ngược” giúp các em tự điều chỉnh hoạt động học.

Đối với GV:

Cung cấp cho GV những thông tin về năng lực, trình độ, về sự tiến bộ hay sút kém của mỗi HS trong lớp để có biện pháp giúp đỡ riêng thích hợp.

Tạo cơ hội cho GV xem xét hiệu quả những cải tiến về nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học mà mình đang áp dụng.

II. ĐÁNH GIÁ MÔN TNXH Ở LỚP 1, 2, 3.

1. Quan điểm đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập cần quan tâm đến các mục tiêu của môn học, được cụ thể hoá qua từng bài học.

Để có một đánh giá, không phải chỉ dựa vào một lần kiểm tra mà phải dựa vào kết quả theo dõi toàn bộ quá trình học tập của HS qua các hình thức: Quan sát, hỏi đáp, trả lời miệng, bài viết, BT thực hành, trò chơi, bài tập tình huống, tinh thần thái độ học tập □ GV nên lập kế hoạch đánh giá và tiến hành công việc này một cách thường xuyên. Đánh giá là một phần không thể tách rời của quá trình dạy học thường ngày.

Thông qua việc đánh giá, GV cần uốn nắn những sai sót về kiến thức, kỹ năng và phát hiện những khó khăn của HS trong quá trình học tập, bên cạnh đó, cần tạo điều kiện cho học sinh tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau □

Đối với từng HS và với từng yêu cầu phải đánh giá, GV xếp loại học lực của HS theo quy định: hoàn thành tốt (A+), hoàn thành (A), hay chưa hoàn thành (B).

2. Đánh giá KQHT môn TNXH

SV tham khảo GT/80

III. ĐÁNH GIÁ MÔN KH, LS VÀ ĐL Ở LỚP 4, 5.

1. Quan điểm đánh giá

Khác với sự đánh giá bằng nhận xét mang tính định tính ở các lớp 1, 2, 3, việc đánh giá các môn KH, LS và ĐL ở các lớp 4, 5 được thực hiện bằng cho điểm (mang tính định lượng). Việc đánh giá kết quả học tập của HS được thực hiện bằng cách lấy điểm trung bình môn theo quy chế như các môn học khác (toán, TV), nhưng số lượt kiểm tra ít hơn.

Học sinh không phải học thuộc lòng các câu chữ trong SGK hay vở ghi bài mà cần trình bày các sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử, địa lí bằng chính ngôn ngữ của mình một cách chính xác và sinh động dưới nhiều hình thức: nói, viết, vẽ □

Bài làm của HS cần có sự phân tích, tổng hợp, khái quát nhưng chỉ ở mức độ đơn giản.

Các bộ đề kiểm tra nên kết hợp các dạng bài tập khác nhau.

2. Nội dung đánh giá

Nội dung đánh giá bao gồm cả kiến thức, kỹ năng và thái độ, nhưng tăng hơn so với giai đoạn 1, được chú ý hơn về số lượng và chất lượng.

a. Đánh giá về kiến thức

GV cần đánh giá xem HS lĩnh hội được ở những mức nào theo thang mức độ nhận thức mà mục tiêu đã đề ra: biết, hiểu, áp dụng và: phân tích, tổng hợp, đánh giá (GT/86)

b. Đánh giá kỹ năng

Các kĩ năng được đánh giá chủ yếu là kĩ năng quan sát, ứng xử, diễn đạt, nêu thắc mắc, đặt câu hỏi, trình bày bằng lời nói, hình vẽ, sơ đồ, phân tích, so sánh, đánh giá phù hợp với môn học

c. Đánh giá thái độ

Việc đánh giá thái độ cần được tiến hành song song với đánh giá kiến thức và kĩ năng, mức độ vận dụng kiến thức và kĩ năng sẽ được xem xét để đánh giá thái độ, ngoài ra kết hợp với đánh giá đạo đức về ý thức tôn trọng, cư xử đúng mực với bạn bè, thầy cô, người thân ý thức tôn trọng, bảo vệ các công trình văn hoá, lịch sử, thiên nhiên, môi trường sống.

IV. CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ

1. Công cụ đánh giá truyền thống

- Sổ ghi chép.
- Câu hỏi (Kiểm tra nói, kiểm tra viết)
- Bài tập.
- Bài thực hành.
- Trình bày của HS.
- Học sinh tự đánh giá.

2. Công cụ đánh giá với sự trợ giúp của các thiết bị kĩ thuật hiện đại

- Sử dụng các loại máy chiếu hình.
 - Hệ thống video và ti vi.
 - Sử dụng máy vi tính và phần mềm dạy học.
-